TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA SAU ĐẠI HỌC

Số: 242 /TB-ĐHNH-SĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

THÔNG BÁO
Về việc tổ chức Lễ tốt nghiệp Thạc sĩ đợt I năm 2019

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh thông báo tổ chức Lễ trao bằng tốt nghiệp đối với học viên Cao học các Khóa 16, Khóa 17, Khóa 18 & Khóa 19 Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng và Khóa 2 chuyên ngành Quản trị kinh doanh (danh sách đính kèm) như sau:

I- Thời gian và địa điểm tổ chức

1. *Thời gian*: 8h00 ngày 07 tháng 4 năm 2019
2. *Địa điểm*: Hội trường lớn – 56 Hoàng Diệu, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

II- Thủ tục đăng ký và nhận Lễ phục:

1. ***Thời gian đăng ký tham dự lễ nhận bằng***: từ ngày 21/03/2019 đến hết ngày 29/3/2019.

2. *Thủ tục đăng ký*:

- Đăng ký và nộp lệ phí tại Khoa Sau đại học (Tầng sảnh – 36 Tôn Thất Đạm – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh);
- Chụp hình với trang phục tốt nghiệp tại Khoa sau đại học (Tầng sảnh – 36 Tôn Thất Đạm – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh để được trình chiếu slide khi lên nhận bằng);
- Nhận Lễ phục tại Phòng Tài chính – Kế toán.

3. *Các khoản lệ phí*:

- Lệ phí tốt nghiệp nhận bằng thạc sĩ: 500.000 đ (01 bản chính + 5 bản sao + 1 bảng điểm + bìa bằng);
- Lệ phí tham dự lễ: 100.000 đ;
- Tiền đặt cọc mượn Lễ phục: 1.000.000 đ (sẽ được hoàn trả sau khi học viên trả lại lễ phục).

Ghi chú:

- *Lệ phí nhận bằng tốt nghiệp nộp tại Khoa Sau đại học;*
- *Lệ phí tham dự lễ và tiền đặt cọc mượn Lễ phục nộp tại Phòng tài chính kế toán.*

III- Thủ tục nhận bằng tốt nghiệp khi đến dự Lễ

- Học viên ngồi theo thứ tự do ban tổ chức sắp xếp tại Hội trường.
- Lên nhận bằng và chụp hình lưu niệm tại Hội trường khi đến lượt.
- Quay trở lại vị trí chỗ ngồi được sắp xếp.
- Sau khi dự lễ xong, xuất trình chứng minh nhân dân để nhận bằng chính thức.

IV- Những lưu ý khác

1. ***Những trường hợp không tham dự Lễ*** việc nhận bằng tốt nghiệp quy định như sau:

- Thời gian: từ 08/4/2019 đến hết ngày 12/4/2019.
- Nộp lệ phí nhận bằng và làm thủ tục tại Khoa Sau đại học.

2. Trường hợp nhận thay

Người nhận thay phải có:

- Giấy chứng minh nhân dân (bản sao công chứng) của người ủy quyền;
- Giấy chứng minh nhân dân (bản sao công chứng) của người được ủy quyền;
- Giấy ủy quyền có xác nhận của địa phương;
- Nộp lệ phí nhận bằng và làm thủ tục tại Khoa Sau đại học.

Để có thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ trực tiếp với Cán bộ quản lý lớp hoặc liên hệ trực tiếp Khoa sau đại học. Điện thoại: (028) 38212590

Trân trọng.

Nơi nhận:
- BGH (để báo cáo);
- Học viên cao học;
- TTHTSV, P. TC-KT;
- Ban website;
- Lưu: Khoa SĐH, VP.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. Hoàng Thị Thanh Hằng

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC

(Đính kèm Thông báo số 242/TB-ĐHNH-SĐH ngày 20/3/2019

về việc tổ chức Lễ tốt nghiệp Thạc sĩ đợt I năm 2019)

Stt	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Lớp	Chuyên ngành
1.	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	05/05/1991	CH16B2	TCNH
2.	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	29/06/1990	CH17B1	TCNH
3.	Nguyễn Phương	Loan	Nữ	26/02/1991	CH17A	TCNH
4.	Trần Thị	Hoa	Nữ	20/05/1990	CH17B1	TCNH
5.	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	15/05/1994	CH18B1	TCNH
6.	Đinh Trang Thùy	An	Nữ	14/07/1981	CH18B1	TCNH
7.	Lưu Huỳnh Thành	An	Nam	16/08/1976	CH18B2	TCNH
8.	Lê Thị Thúy	An	Nữ	09/06/1990	CH18C1	TCNH
9.	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	26/02/1991	CH17A	TCNH
10.	Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	08/03/1993	CH18A	TCNH
11.	Lê Tuấn	Anh	Nam	01/02/1990	CH19A	TCNH
12.	Lê Vy	Anh	Nữ	05/09/1988	CH19A	TCNH
13.	Đào Thị Kim	Anh	Nữ	12/06/1987	CH19A	TCNH
14.	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	12/05/1989	CH19B1	TCNH
15.	Trần Thị	Ất	Nữ	22/12/1985	CH18C1	TCNH
16.	Nguyễn Thị Mộng	Bảo	Nữ	23/11/1989	CH17A	TCNH
17.	Nguyễn Hồng	Bảo	Nam	31/12/1992	CH17A	TCNH
18.	Đoàn Công	Biên	Nam	01/11/1992	CH17B1	TCNH
19.	Trương Thái	Bình	Nam	20/03/1989	CH18B2	TCNH
20.	Lưu Chí	Bình	Nam	10/01/1989	CH18B2	TCNH
21.	Đào Hồng	Châu	Nữ	19/12/1993	CH18B1	TCNH
22.	Lữ Thị Kim	Chi	Nữ	21/01/1979	CH18A	TCNH
23.	Trần Văn	Chuẩn	Nam	16/12/1978	CH18B1	TCNH
24.	Ngô Anh	Chương	Nam	02/08/1989	CH18B1	TCNH
25.	Ngô Quý	Cường	Nam	14/02/1993	CH18B2	TCNH
26.	Nguyễn Chí	Cường	Nam	19/06/1992	CH19B1	TCNH
27.	Trương Thắng Phương	Đài	Nam	10/06/1991	CH18A	TCNH
28.	Nguyễn Văn	Đại	Nam	27/09/1990	CH18B2	TCNH
29.	Trần Thị Thanh	Đăng	Nữ	02/06/1992	CH18A	TCNH
30.	Trần Phát	Đạt	Nam	03/07/1992	CH18B1	TCNH
31.	Võ Trường	Đi	Nam	11/12/1977	CH18B2	TCNH
32.	Lê Hồng	Diễm	Nữ	31/12/1982	CH18B2	TCNH
33.	Trần Đặng Hoàng	Diễm	Nữ	18/07/1989	CH18C1	TCNH
34.	Nguyễn Thị	Định	Nữ	02/04/1973	CH18A	TCNH
35.	Nguyễn Thanh	Đoàn	Nam	20/09/1970	CH18B1	TCNH
36.	Nguyễn Thị	Đông	Nữ	26/05/1985	CH18C1	TCNH
37.	Lê Quang	Đức	Nam	16/11/1983	CH18B1	TCNH
38.	Cao Tấn	Đức	Nam	19/06/1987	CH18C1	TCNH
39.	Trịnh Hoài	Đức	Nam	14/10/1988	CH19B1	TCNH
40.	Dương Thị Thùy	Dung	Nữ	06/10/1992	CH18C1	TCNH
41.	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	Nữ	25/06/1975	CH19A	TCNH
42.	Lê Xuân	Dũng	Nam	22/08/1989	CH17B1	TCNH
43.	Lê Hữu Thái	Dương	Nam	29/10/1993	CH17A	TCNH
44.	Đàm Hải	Dương	Nam	21/08/1991	CH18B1	TCNH
45.	Trần	Duy	Nam	08/10/1986	CH19B1	TCNH
46.	Mai Hữu	Duyên	Nam	23/06/1983	CH18B1	TCNH
47.	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	30/10/1993	CH18C1	TCNH
48.	Trần Thị Nhật	Giang	Nữ	11/09/1992	CH18B1	TCNH
49.	Hoàng Văn	Hà	Nam	15/10/1982	CH18B1	TCNH

Stt	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Lớp	Chuyên ngành
50.	Nguyễn Thị Ninh	Hải	Nữ	14/02/1978	CH18B1	TCNH
51.	Lê Thị Thanh	Hằng	Nữ	28/01/1993	CH17B1	TCNH
52.	Đinh Thị Thu	Hằng	Nữ	04/09/1983	CH18B2	TCNH
53.	Trần Viết	Hạnh	Nam	21/02/1990	CH18C1	TCNH
54.	Đinh Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	01/04/1990	CH18C1	TCNH
55.	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	26/06/1987	CH18C1	TCNH
56.	Đoàn Thị	Hậu	Nữ	08/05/1993	CH18B2	TCNH
57.	Nguyễn Thị	Hay	Nữ	02/01/1992	CH18B2	TCNH
58.	Ngô Thanh	Hiền	Nam	14/12/1993	CH18A	TCNH
59.	Nguyễn Thị Mai	Hiền	Nữ	05/02/1990	CH18C1	TCNH
60.	Lê Thanh	Hiền	Nữ	10/01/1989	CH19A	TCNH
61.	Trương Xuân	Hiếu	Nam	02/02/1975	CH18B1	TCNH
62.	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	17/01/1986	CH18B1	TCNH
63.	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	12/11/1992	CH18B1	TCNH
64.	Nguyễn Thị Ninh	Hòa	Nữ	21/08/1991	CH18B1	TCNH
65.	Trần Thị Thu	Hoài	Nữ	07/03/1991	CH18B1	TCNH
66.	Đinh Văn	Hoàn	Nam	26/09/1992	CH18B1	TCNH
67.	Phan Khánh	Hoàng	Nam	10/10/1995	CH18A	TCNH
68.	Lê Xuân	Hoàng	Nam	12/05/1992	CH18C1	TCNH
69.	Dương Nguyễn Chí	Hùng	Nam	20/03/1981	CH17B2	TCNH
70.	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	01/05/1976	CH19A	TCNH
71.	Võ Văn	Hưng	Nam	21/07/1991	CH18B2	TCNH
72.	Lê Quang	Hưng	Nam	25/09/1984	CH18C1	TCNH
73.	Đào Thị	Hương	Nữ	21/06/1993	CH18B2	TCNH
74.	Nguyễn Minh	Huyền	Nữ	29/05/1975	CH18A	TCNH
75.	Hoàng Thị Thanh	Huyền	Nữ	15/01/1993	CH18B1	TCNH
76.	Huỳnh	Japan	Nam	09/09/1994	CH18B2	TCNH
77.	Lê Văn	Kết	Nam	02/04/1980	CH18B1	TCNH
78.	Hồ Duy	Khánh	Nam	17/10/1990	CH18B2	TCNH
79.	Phan Doãn Nhật	Khánh	Nam	30/06/1987	CH18C1	TCNH
80.	Trần Minh	Khôi	Nam	11/09/1992	CH17B1	TCNH
81.	Nguyễn Thị Thúy	Lan	Nữ	02/01/1987	CH18C1	TCNH
82.	Nguyễn Văn	Lăng	Nam	07/10/1989	CH19A	TCNH
83.	Nguyễn Thị Hồng	Lê	Nữ	08/08/1987	CH19B1	TCNH
84.	Nguyễn Xuân	Lịch	Nữ	04/03/1993	CH18B2	TCNH
85.	Trần Thị	Liên	Nữ	16/02/1992	CH18B2	TCNH
86.	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	01/12/1991	CH18C1	TCNH
87.	Nguyễn Thị Vy	Linh	Nữ	20/04/1993	CH18C1	TCNH
88.	Lê Thị Ngọc	Loan	Nữ	12/09/1981	CH18B1	TCNH
89.	Vũ Thị Khánh	Ly	Nữ	12/03/1990	CH19B1	TCNH
90.	Lê Thị Trúc	Mai	Nữ	13/01/1993	CH18B1	TCNH
91.	Đào Thị Ngọc	Minh	Nữ	12/04/1990	CH18A	TCNH
92.	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	15/01/1989	CH18B2	TCNH
93.	Lê Hồng	Minh	Nữ	01/06/1985	CH19B1	TCNH
94.	Nguyễn Xuân	Mơ	Nữ	00/00/1981	CH18B1	TCNH
95.	Lê Nguyễn Hoàng	My	Nữ	25/11/1985	CH18C1	TCNH
96.	Lê Thị	Nga	Nữ	19/09/1993	CH18B1	TCNH
97.	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	23/04/1992	CH18B2	TCNH
98.	Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	10/04/1992	CH18C1	TCNH
99.	Trần Thị Bích	Nga	Nữ	24/12/1978	CH19A	TCNH
100.	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	26/10/1990	CH18A	TCNH
101.	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	Nữ	05/12/1993	CH18A	TCNH
102.	Vũ Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	12/05/1989	CH16A	TCNH
103.	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	24/03/1992	CH17B1	TCNH

Stt	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Lớp	Chuyên ngành
104.	Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	29/08/1990	CH18B1	TCNH
105.	Vũ Mạnh	Ngọc	Nam	21/10/1991	CH18B2	TCNH
106.	Huỳnh Kim	Ngôn	Nữ	23/07/1988	CH17B1	TCNH
107.	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	30/11/1991	CH18B2	TCNH
108.	Trần Khánh	Nguyên	Nữ	02/12/1991	CH18B2	TCNH
109.	Trần Minh	Nguyệt	Nữ	28/01/1993	CH18A	TCNH
110.	Đoàn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	05/10/1985	CH18C1	TCNH
111.	Kiều Thị Minh	Nguyệt	Nữ	30/10/1991	CH18C1	TCNH
112.	Lê Khắc Anh	Nhân	Nam	16/01/1980	CH18A	TCNH
113.	Nguyễn Thị Mai	Nhi	Nữ	26/07/1989	CH18B2	TCNH
114.	Đặng Nguyễn Thùy	Nhiên	Nữ	02/01/1993	CH18A	TCNH
115.	Đặng Lâm Quỳnh	Như	Nữ	12/10/1991	CH18A	TCNH
116.	Đoàn Quỳnh	Như	Nữ	04/03/1987	CH18B2	TCNH
117.	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	06/10/1990	CH18A	TCNH
118.	Phạm Thị Tuyết	Nhung	Nữ	07/07/1987	CH18B2	TCNH
119.	Lê Quốc	Ninh	Nam	03/01/1978	CH18B1	TCNH
120.	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	Nữ	22/06/1988	CH18B2	TCNH
121.	Quách Tấn	Phát	Nam	09/05/1978	CH18B1	TCNH
122.	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	01/01/1993	CH18B1	TCNH
123.	Trần Văn	Phú	Nam	19/07/1987	CH18C1	TCNH
124.	Nguyễn Thị Thanh	Phú	Nữ	08/03/1981	CH18C1	TCNH
125.	Nguyễn Tấn	Phúc	Nam	07/02/1991	CH18B2	TCNH
126.	Trần Thị Bích	Phương	Nữ	17/06/1990	CH18A	TCNH
127.	Lê Thị Khánh	Phương	Nữ	21/07/1987	CH18B1	TCNH
128.	Mạc Lan	Phương	Nữ	07/07/1993	CH18B2	TCNH
129.	Huỳnh Thị Kim	Phương	Nữ	30/11/1992	CH18C1	TCNH
130.	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	01/12/1978	CH18C1	TCNH
131.	Đặng Ngọc Quý	Phương	Nữ	22/06/1977	CH19B1	TCNH
132.	Võ Thị Thu	Phương	Nữ	08/01/1992	CH19B1	TCNH
133.	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	Nữ	02/05/1981	CH19B1	TCNH
134.	Hồ Minh	Quân	Nam	20/10/1986	CH18B1	TCNH
135.	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	07/12/1992	CH18B2	TCNH
136.	Trần Xuân	Quảng	Nam	22/01/1990	CH18B1	TCNH
137.	Đỗ Phú	Quý	Nam	09/10/1991	CH18B1	TCNH
138.	Trần Ngọc	Quý	Nam	25/09/1993	CH18B1	TCNH
139.	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	11/01/1990	CH17B1	TCNH
140.	Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	01/07/1991	CH18C1	TCNH
141.	Võ Nguyễn Thảo	Quỳnh	Nữ	07/12/1991	CH19A	TCNH
142.	Trần Kim	Sơn	Nam	12/09/1986	CH18A	TCNH
143.	Đặng Thanh	Sơn	Nam	01/04/1991	CH18B2	TCNH
144.	Nguyễn Đỗ Hoài	Tâm	Nữ	22/05/1989	CH18A	TCNH
145.	Huỳnh Thị	Tâm	Nữ	23/03/1989	CH18B2	TCNH
146.	Huỳnh Bảo	Thắng	Nam	21/04/1979	CH18B1	TCNH
147.	Trần Văn	Thắng	Nam	25/02/1989	CH18B1	TCNH
148.	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	25/05/1990	CH18C1	TCNH
149.	Nguyễn Ngọc Quế	Thanh	Nữ	13/06/1994	CH18B2	TCNH
150.	Phan Lê Trung	Thành	Nam	29/10/1989	CH18B2	TCNH
151.	Nguyễn Thị Hoài	Thảo	Nữ	02/10/1981	CH18A	TCNH
152.	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	17/11/1993	CH18B1	TCNH
153.	Võ Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	02/11/1990	CH18B2	TCNH
154.	Lê Thị Trang	Thảo	Nữ	06/11/1989	CH18B2	TCNH
155.	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	23/08/1993	CH18B2	TCNH
156.	Lâm Hồng	Thiện	Nam	20/03/1992	CH18B2	TCNH
157.	Đặng Quốc	Thịnh	Nam	07/08/1984	CH18C1	TCNH

Stt	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Lớp	Chuyên ngành
158.	Nguyễn Duy Anh	Thư	Nữ	24/08/1991	CH18B2	TCNH
159.	Vũ Thị	Thương	Nữ	16/09/1993	CH18B1	TCNH
160.	Đào Thị Phương	Thúy	Nữ	20/01/1988	CH18A	TCNH
161.	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	30/03/1991	CH18B1	TCNH
162.	Phan Thị Phương	Thúy	Nữ	21/09/1991	CH18B2	TCNH
163.	Dương Phương	Thùy	Nữ	22/04/1992	CH18C1	TCNH
164.	Nguyễn Đoàn Anh	Thy	Nam	28/10/1993	CH17B1	TCNH
165.	Đặng Mai	Trâm	Nữ	25/07/1992	CH18B1	TCNH
166.	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	01/01/1990	CH18B1	TCNH
167.	Vương Thị Ngọc	Trân	Nữ	18/04/1983	CH18B1	TCNH
168.	Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	22/12/1993	CH18B1	TCNH
169.	Trần Thảo	Trang	Nữ	12/10/1991	CH18B2	TCNH
170.	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	24/12/1990	CH18B2	TCNH
171.	Ngô Thị Thùy	Trang	Nữ	24/11/1989	CH18C1	TCNH
172.	Trần Thị Hiếu	Trinh	Nữ	29/08/1991	CH18A	TCNH
173.	Vũ Thị Thủy	Trúc	Nữ	19/09/1992	CH18C1	TCNH
174.	Trần Văn	Trung	Nam	02/10/1990	CH18A	TCNH
175.	Nguyễn Hoàng	Trung	Nam	19/08/1990	CH18B1	TCNH
176.	Đoàn Minh	Trường	Nam	07/05/1990	CH17B1	TCNH
177.	Trần Thanh	Tú	Nam	22/10/1992	CH17B1	TCNH
178.	Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	26/01/1993	CH18A	TCNH
179.	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	23/05/1990	CH17B2	TCNH
180.	Ngô Anh	Tuấn	Nam	06/01/1986	CH18A	TCNH
181.	Phạm Minh	Tuấn	Nam	16/03/1990	CH18B1	TCNH
182.	Nguyễn Hoàng	Tùng	Nam	09/06/1993	CH18B2	TCNH
183.	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	01/10/1990	CH17B1	TCNH
184.	Huỳnh Diệp Thanh	Tuyền	Nữ	09/07/1994	CH18B2	TCNH
185.	Phạm Thị	Tuyết	Nữ	07/08/1987	CH18A	TCNH
186.	Trần Đỗ Nhật	Uyên	Nữ	02/07/1989	CH18A	TCNH
187.	Phạm Ngọc Thủy	Vi	Nữ	05/11/1992	CH17B1	TCNH
188.	Nguyễn Thị Bích	Việt	Nữ	05/07/1985	CH18B1	TCNH
189.	Trần Quang	Vinh	Nam	06/07/1990	CH18B1	TCNH
190.	Tô Hùng	Vinh	Nam	07/02/1977	CH18C1	TCNH
191.	Lý Văn Hoài	Vũ	Nam	30/08/1979	CH17A	TCNH
192.	Đặng Duy Hoài	Vũ	Nam	03/06/1982	CH18A	TCNH
193.	Nguyễn Trường	Vũ	Nam	16/12/1989	CH18A	TCNH
194.	Nguyễn Gia	Vượng	Nam	23/09/1993	CH18A	TCNH
195.	Trần Nguyễn Hương	Vy	Nữ	07/11/1983	CH18C1	TCNH
196.	Đỗ Chí	Thiện	Nam	07/05/1990	CH19B1	TCNH
197.	Trần Anh	Thư	Nữ	14/08/1983	CH19B1	TCNH
198.	Bùi Huy	Trưởng	Nam	25/07/1992	CH19B1	TCNH
199.	Phan Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13/10/1991	CH2QTKD	QTKD
200.	Nguyễn Quốc	Chí	Nam	20/10/1992	CH2QTKD	QTKD
201.	Phạm Nguyễn Ngọc	Diễm	Nữ	17/11/1993	CH2QTKD	QTKD
202.	Võ Hoàng	Điệp	Nam	16/11/1985	CH2QTKD	QTKD
203.	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	29/10/1991	CH2QTKD	QTKD
204.	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	10/11/1992	CH2QTKD	QTKD
205.	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	14/07/1993	CH2QTKD	QTKD
206.	Phạm Thanh	Hùng	Nam	27/07/1981	CH2QTKD	QTKD
207.	Trịnh Trung	Kiên	Nam	01/01/1993	CH2QTKD	QTKD
208.	Võ Thị Thanh	Lâm	Nữ	10/09/1992	CH2QTKD	QTKD
209.	Nguyễn Pha	Lê	Nam	28/01/1992	CH2QTKD	QTKD
210.	Lê Đắc Thùy	Linh	Nữ	27/08/1993	CH2QTKD	QTKD
211.	Huỳnh Văn Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	20/03/1988	CH2QTKD	QTKD

Stt	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Lớp	Chuyên ngành
212.	Hoàng Thảo	Na	Nữ	17/11/1982	CH2QTKD	QTKD
213.	Nguyễn Quốc	Nam	Nam	21/02/1991	CH2QTKD	QTKD
214.	Phạm Thị	Nhân	Nữ	28/08/1992	CH2QTKD	QTKD
215.	Nguyễn Thị	Thiện	Nữ	16/6/1985	CH2QTKD	QTKD
216.	Lê Bảo	Toàn	Nam	27/01/1992	CH2QTKD	QTKD

Lập bảng

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG KHOA SAU ĐẠI HỌC
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. Hoàng Thị Thanh Hằng